

**VINAPLAST**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2015**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2016**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
**Năm báo cáo 2015**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
- Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh chưa điều chỉnh: 198.000.000.000 đồng  
(*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn điều lệ theo quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 của Bộ Công Thương: 194.289.130.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.289.130.000 đồng
- Trụ Sở chính:
  - Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
  - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
  - Email: [VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn](mailto:VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn)
  - Website: [www.VINAPLAST.com.vn](http://www.VINAPLAST.com.vn)
- Văn phòng đại diện:
  - Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Tầng 6, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
  - Tel: (84-4) 22206091 – 22206097 – Fax: (84-4) 22206094
  - Email: [VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn](mailto:VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn)
  - Website: [www.VINAPLAST.com.vn](http://www.VINAPLAST.com.vn)

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập từ những năm 70, quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 3/1976 Công ty tạp phẩm (tiền thân của Công ty Nhựa Việt Nam) được thành lập với các sản phẩm chủ yếu bao gồm sản phẩm nhựa, da giấy, chất tẩy rửa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm...
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển phù hợp với tình hình đổi mới của nền kinh tế, năm 1987, Công ty tạp phẩm đã được Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 421/CNn-TCCB ngày 01/12/1987 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm.

Sản phẩm chính của Liên hiệp là sản phẩm nhựa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm.

- Năm 1989, Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 437/CNn-TCLĐ ngày 11/11/1989 đổi tên Liên hiệp các Xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm thành Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa và lấy tên giao dịch là VINAPLAST.
- Năm 1995, Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa được đổi tên thành Công ty Nhựa Việt Nam.
- Năm 1996, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, Tổng Công ty Nhựa Việt Nam được hình thành tại Quyết định số 1189/QĐ-TCCB ngày 07/5/1996 bao gồm các doanh nghiệp Nhựa Nhà nước trực thuộc Trung ương với tên giao dịch vẫn được giữ nguyên là VINAPLAST, trong đó Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị nòng cốt để hình thành nên Tổng Công ty và thay thế Bộ Công nghiệp thực hiện vai trò quản lý ngành.
- Năm 2003, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 thành lập Công ty Nhựa Việt Nam trên cơ sở bộ máy của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam (cũ), được kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
- Ngày 23/09/2008 VINAPLAST chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 198.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh Giang cấp ngày 23/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/08/2013. Công ty đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Bộ Công Thương và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 194.289.130.000 đồng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
2	Đại lý, môi giới, đầu giá.	4610
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669
6	In ấn.	1811
7	Quảng cáo.	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
12	Tái chế phế liệu.	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn thực phẩm	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080

Stt	Tên ngành	Mã ngành
26	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành Kinh doanh Việt Nam (Được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, số ĐKKD: 4106000201, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 28/6/2006)	

### 3.2 Địa bàn kinh doanh

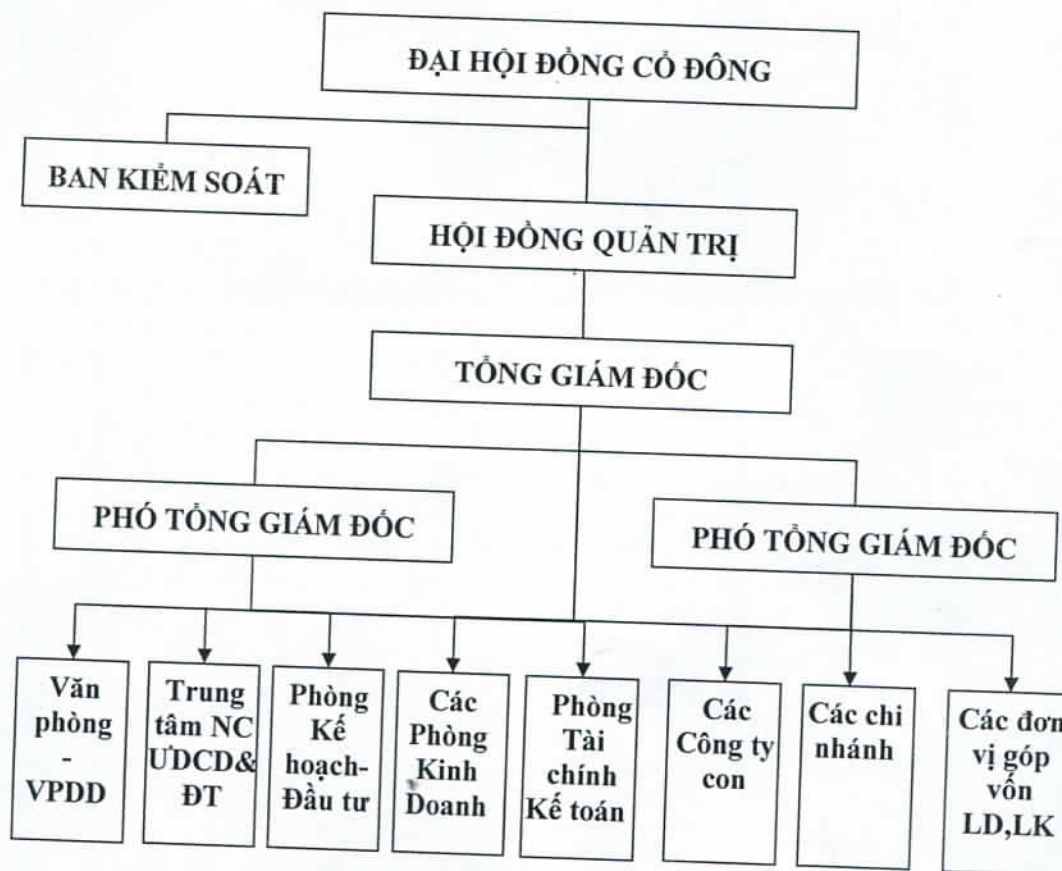
- Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 4.1 Mô hình quản trị Công ty

- Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

#### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



### 4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết:

#### 4.3.1 Các công ty con

##### 4.3.1.1 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An

- Địa chỉ: 18C Phạm Đình Hồ, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn sắt thép; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

##### 4.3.1.2 Công ty CP Nhựa Bắc Giang

- Địa chỉ: Km01, Đường Hoàng Hoa Thám, TP.Bắc Giang
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán bao bì nhựa và giấy in, may bao bì các loại. Sản xuất, mua bán phụ gia, nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm từ nhựa và giấy. Mua bán các loại máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành sản xuất nhựa và giấy. Kinh doanh xăng dầu. Cho thuê hoặc thuê lại: Văn phòng, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi, đất đai.
- Tỷ lệ vốn góp: 51% vốn điều lệ
- Từ tháng 4 năm 2015 Công ty CP Nhựa Bắc Giang không còn là Công ty con của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.

##### 4.3.1.3 Công ty CP Nhựa Thăng Long

- Địa chỉ: 360 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất chất phụ gia và hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước

cắm): Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa; Sản xuất giày dép nhựa; Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa. Sản xuất thiết bị quang học bằng nhựa; Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa. Sản xuất bút và các loại bút chì bằng cơ khí hoặc không. Sản xuất lõi bút chì; Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công nghiệp, gia dụng; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia, hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công nghiệp, gia dụng; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dụng cụ y tế bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ các sản phẩm của Công ty trong siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn sản phẩm quang học. Bán buôn sản phẩm nhựa gia dụng. Bán buôn dụng cụ thể dục thể thao bằng nhựa; Bán buôn dụng cụ y tế bằng nhựa. Bán buôn sản phẩm trò chơi, đồ chơi bằng nhựa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế bằng nhựa; Bán lẻ tủ, bàn, ghế trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy làm nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của nguyên liệu này; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị quang học; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và

nhà ăn; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất khung tranh ảnh bằng gỗ. Sản xuất khung tranh ảnh sơn dầu cho nghệ sỹ; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an – bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; In ấn; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm).

- Tỷ lệ vốn góp: 41,92% vốn điều lệ
- Từ tháng 8 năm 2015 Công ty CP Nhựa Thăng Long không còn là Công ty con của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP Nhựa Thăng Long.

#### **4.3.1.4 Công ty CP Nhựa Việt Phước**

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thi công sản phẩm từ Plastic; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán sản phẩm từ Plastic.
- Tỷ lệ vốn góp: 99,52% vốn điều lệ

#### **4.3.1.5 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một**

- Địa chỉ: 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm nhựa. Bán buôn phụ gia, hóa chất, dung môi, mực in ngành nhựa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

#### **4.3.1.6 Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam**

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phụ gia.



Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán buôn tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán lẻ sản phẩm từ nhựa. Bán lẻ phụ gia. Bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán lẻ dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán lẻ tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa, ngành giấy, ngành xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L, chữ I); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng. Bán buôn bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường hàng không, hóa lỏng khí để vận chuyển).

- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

#### **4.3.2 Các công ty liên doanh**

##### **4.3.2.1 Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem**

- Địa chỉ: Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hạt nhựa PVC
- Tỷ lệ vốn góp: 27,51% vốn điều lệ

##### **4.3.2.2 Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina**

- Địa chỉ: Khu CN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa PVC.
- Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ

##### **4.3.2.3 Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina**

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất các sản phẩm được tái chế từ màng nhựa BOPP.

- Tỷ lệ vốn góp: 30% vốn điều lệ

#### 4.3.3 Các công ty liên kết

##### 4.3.3.1 Công ty CP Nhựa Tân Phú

- Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và cung ứng các sản phẩm, bao bì bằng nhựa PET, PE, HDPE, PP, ... phục vụ cho ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chuyên mua bán nguyên liệu, vật tư, sản xuất phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chế tạo thiết bị máy móc, khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa; In ấn trên bao bì nhựa. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.
- Tỷ lệ vốn góp: 19,52% vốn điều lệ
- Từ tháng 3 năm 2015 Công ty CP Nhựa Tân Phú không còn là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP Nhựa Tân Phú.

##### 4.3.3.2 Công ty CP Nhựa Vân Đồn

- Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, P.2, Q.4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: mua bán sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rộng, nhãn bao bì nhựa. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, vật tư sản xuất, máy móc thiết bị phụ tùng khuôn mẫu ngành nhựa; In bao bì; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trực in ngành nhựa; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo trực in ngành nhựa (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rộng, nhãn bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- Tỷ lệ vốn góp: 20,69% vốn điều lệ

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1 Mục tiêu**

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa.
- Hình thành các Nhà máy sản xuất nhằm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thử nghiệm trong sản xuất, vừa gây dựng và phát triển thương hiệu, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động để đẩy mạnh năng suất lao động.
- Thực hiện một số dự án đầu tư mới có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn và nhu cầu thị trường, tạo ra sản phẩm nhựa do chính Vinaplast sản xuất.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Thoái vốn tại các đơn vị khó kiểm soát hoặc đầu tư vốn không có hiệu quả.

### **5.2 Tái cấu trúc Công ty**

#### **5.2.1 Tái cơ cấu tổ chức & quản trị của Công ty**

- Đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinaplast.
- Hoàn thiện, tinh gọn bộ máy quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả trong điều hành.
- Thực hiện hiệu quả công tác giám sát, kiểm soát hoạt động các công ty thành viên của Công ty nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt chủ động cho các đơn vị thành viên trong hoạt động SXKD thường nhật.
- Tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính lớn và chuyên ngành mạnh trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng tập trung nguồn lực và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường năng lực của Người đại diện phần vốn, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và hạn chế kiêm nhiệm.

#### **5.2.2 Tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh**

- Sau khi tái cơ cấu Công ty sẽ vẫn tập trung phát triển các ngành nghề là thế mạnh và cốt lõi với các nội dung chính như sau: nhiệm vụ kinh doanh chính trước mắt

vẫn là kinh doanh thương mại, cho thuê tài chính và sản xuất nhỏ, từng bước giảm dần đầu tư tài chính theo lộ trình để tiến tới tập trung vào sản xuất sau khi có nguồn vốn triển khai các dự án đầu tư.

### 5.2.3 Tái cơ cấu đơn vị thành viên

- Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, triển khai tái cơ cấu các doanh nghiệp thành viên để thực hiện chuyên môn hóa, phân công, hợp tác, không dàn trải, phân tán nguồn lực, tránh cạnh tranh nội bộ theo hướng sáp nhập, hợp nhất các doanh nghiệp thành viên cùng ngành nghề.
- Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả và các khoản đầu tư không phải sở trường sản xuất kinh doanh
- Chú trọng vào các công ty đóng vai trò quan trọng mà VINAPLAST có thể quyết định được các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư. Đây là các công ty cần phải duy trì để đóng góp vào giá trị hợp nhất của Vinaplast.

Các công ty trong nhóm này phải là các công ty có hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, đảm bảo phù hợp với định hướng đầu tư và phát triển của Công ty đặc biệt là trong định hướng phát triển giá trị gia tăng trong các sản phẩm của Công ty và định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được và thay thế nhập khẩu.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các đơn vị thành viên để khai thác các sản phẩm trong nội bộ VINAPLAST nhằm đảm bảo hiệu quả của toàn Công ty.
- Hình thành chuỗi cung ứng hoàn chỉnh cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm nhựa tại một số đơn vị thành viên chủ chốt.

### 5.2.4 Tái cơ cấu tài chính

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả cao
- Ưu tiên cho phát triển các sản phẩm sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tình hình tài chính lành mạnh, cân đối về nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn có hiệu quả kể cả vốn đầu tư trong từng dự án.
- Tập trung vốn trả nợ khoản vay ngắn hạn, ổn định sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao giá trị lợi nhuận tuyệt đối.

### 5.2.5 Đổi mới công tác quản trị nguồn nhân lực

- Đảm bảo đáp ứng được nhu cầu về nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao từ cấp đơn vị đến cấp Công ty trong giai đoạn từ nay đến 2016 và từ 2016 đến 2018.
- Bố trí hợp lý, khai thác tối đa hiệu quả công tác của người lao động.
- Xây dựng lại định biên lao động và thang bảng lương phù hợp theo hiệu quả công việc.
- Xây dựng quy định đánh giá chất lượng công việc, thời gian hoàn thành công việc theo mức A,B,C làm cơ sở để trả lương cho người lao động.
- Có các cơ chế lương, thưởng và phúc lợi thích hợp để người lao động yên tâm công tác cũng như thu hút thêm nguồn lao động mới.

#### **5.2.6 Đổi mới về Quy hoạch đầu tư**

- Đầu tư vào các ngành nghề chính, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu phụ trợ.
- Đảm bảo tính hiệu quả của các dự án khi tiến hành đầu tư cũng như khi đưa vào hoạt động.

#### **5.2.7 Tái cấu trúc sở hữu**

- Tăng quy mô vốn điều lệ đối với các đơn vị thành viên kinh doanh hiệu quả và hoạt động trong các ngành chính.
- Thoái 100% vốn tại các công ty thành viên hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần thiết phải nắm giữ vốn do khó kiểm soát, địa bàn hoạt động không thuận lợi...

#### **6. Các rủi ro:**

- Rủi ro lớn nhất của Công ty hiện nay là tính thanh khoản. Với số vốn điều lệ được xây dựng từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần là 198.000.000.000 đồng. Trong khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại nên rất cần vốn và việc góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết được kế thừa từ trước khi cổ phần hóa. Hiện nay, Công ty mất cân đối tài chính, áp lực lãi vay ngân hàng lớn, đặc biệt với hoạt động cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nợ đến hạn. Ngoài ra, vốn đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi cổ tức thu về từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.
- Thay đổi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tín dụng...
- Biến động chênh lệch tỷ giá ( đồng USD, CNY)...

➤ Rủi ro về biến động về giá nguyên liệu nhựa, thu hồi công nợ....

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Nội dung	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	371.119	296.873	80%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-10.216	-778	
Cổ tức	%	0	0	

#### 1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất

Nội dung	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	696.765	447.785	64,27%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-30.469	20.689	
Cổ tức	%			

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

##### 2.1.1 Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
	Phó chủ tịch (đến ngày 28 /06/2013)
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 06 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)

##### 2.1.1.1 Ông Lê Hoàng

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/7/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001061000600 cấp ngày 20/12/2013 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 116 Yên Phụ - Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Từ 1984 đến 1993	Cán bộ kế toán Công ty tạp phẩm – Liên hiệp SX – XNK Nhựa – Tổng Cty Nhựa Việt Nam.
Từ 1994 đến T5/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Nhựa Thăng Long – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ T06/2004 đến T11/2004	Phó Giám đốc Nhà máy nhựa Thăng Long
Từ 12/2004 đến 6/2013	Giám đốc Công ty CP Nhựa Thăng Long, Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 6/2013 đến T8/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 3/2008 đến 6/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 2009 đến T9/2014	Đại diện phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 11/2009 đến 6/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 12/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An.
Từ 8/2011 đến T7/2013	Chủ tịch HĐQT Cty CP SX – TMDV Nhựa, Mộc Nghệ An

Từ 28/6/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên HĐQT Youlchon Vina, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An
  - Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Thăng Long
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
  - Thành viên HĐQT Youlchon Vina.
  - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.
- Số CP nắm giữ: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### 2.1.1.2 Ông Phan Trung Nam

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế Toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/6/1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 023538814 cấp ngày 14/6/2008 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: KA25D Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 08/2006 đến 12/2010	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST
Từ 01/2011 đến 9/2013	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 10/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 10/2010 đến nay	Ủy viên BCH Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
Từ 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 5/2014 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
Từ 7/2014 đến 5/2015	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ tháng 5/2015 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước
  - Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
  - Phó Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73 % vốn điều lệ.
  - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2.1.1.3 Bà Vũ Thị Minh Thục

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001179000982 cấp ngày 27/11/2013 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Lợi – Huyện Nam Trực – Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Phòng 113, B1, Ngõ 203 Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Số ĐT liên lạc: 0983236296
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ T8/2001 đến T8/2002	Công tác tại Công ty Nghiên cứu thị trường Taylor Nelson Sofres - Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Từ T8/2002 đến T7/2003	Công tác tại Chi nhánh Hưng Yên - Công ty XNK Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam thuộc Tổng Công ty Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp, Bộ Công nghiệp - Chuyên viên lao động tiền lương
Từ T7/2003 đến T2/2006	Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư
Từ T2/2006 đến	Phụ trách nhóm Kế hoạch và Đầu tư tại VPĐD tại Hà Nội

T10/2006	
Từ T10/2006 đến T10/2008	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ T10/2008 đến T7/2013	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ T7/2009 đến T4/2015 Từ T4/2015	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang. Thôi đại diện phần vốn của Vinaplast tại Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang
Từ T8/2011 đến T2/2015	Trưởng BKS Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
Từ T11/2012 đến T3/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ T5/2015 đến T8/2015	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ T5/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang
  - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
  - Thành viên BKS Công ty CP Nhựa Thăng Long.
  - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.227.533 cổ phiếu, chiếm 21,76% vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ
  - Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### 2.1.1.4 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Chánh văn phòng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19-04-1970
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quê quán : X.Xuân Bình, H.Sông Cầu, T.Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Số CMND : 025528924 cấp ngày: 02/12/2011 tại CA TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 320A Bùi Văn Ba, KP2, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc : 0909372530
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
01/1994-12/2001	Nhân viên văn thư, đánh máy, phiên dịch, lao động tiền lương, Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Thuận (sau đổi tên là Công ty Nhựa Tân Thuận)
01/2002-01/2004	Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Phú
02/2004-7/2004	Nhân viên Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam
8/2004-9/2008	Phó Văn Phòng Công ty Nhựa Việt Nam
10/2008 – 9/2013	Phó Văn phòng Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam
Từ 10/2013 đến nay	Phó Văn phòng Phụ trách Văn phòng Công ty CP Nhựa Việt Nam

Từ 07/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ tháng 9/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
  - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina
- Số cổ phần nắm giữ : 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### 2.1.1.5 Đỗ Văn Hiếu

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1976
- Nơi sinh: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- CMND: 281110599 cấp ngày 25/06/2011 tại CA. Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 105/18/6 (số cũ 26A/3), Đường Dĩ An - Bình Đường, Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Số ĐT liên lạc: 091 8541237
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hoá, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Từ năm 2000 đến 2001	Nhân viên kỹ thuật xi mạ điện và xử lý bề mặt kim loại - Công ty TNHH Sheang Lih Cycle Vietnam.
Từ năm 2001 đến 2004	Nhân viên Kỹ thuật và Kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 2004 đến T11/2011	Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng (QA /QC) Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ T11/2011 đến T1/2013	Phó Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 02/01/2013 đến nay	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn..
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Trưởng phòng Quản trị Hệ thống - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- Số CP nắm giữ:
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

## 2.1.2 Ban kiểm soát

### 2.1.2.1 Ông Cao Minh Tâm

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

- CMND: 022703422 cấp ngày 03/06/2015 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 243/103B1 Tôn Đản – Phường 15 – Quận 4 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0913161881
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1996 – 6/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST.
Từ 07/2011– 12/2013	Chuyên viên văn phòng VINAPLAST
Từ 12/2013 đến nay	Chuyên viên Trung tâm NCUDCD&ĐT
Từ 3/2008 – nay	Trưởng ban kiểm soát VINAPLAST.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên BKS Youlchon Vina.
Từ 01/12/2014 đến nay	Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 7/2015 đến nay	Người công bố thông tin

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước.
  - Thành viên BKS Youlchon Vina
  - Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
  - Người công bố thông tin của Công ty CP Nhựa Việt Nam
- Số CP nắm giữ:

0 cổ phiếu, chiếm	0 % vốn điều lệ
○ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
○ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### 2.1.2.2 Bà Lê Thị Kim Phượng

- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát, Chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 022645259 cấp ngày 22/11/2010 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 72-74 Lý Tự Trọng – Phường Bến Thành – Quận 1 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0919655816
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Mỹ Thuật
- Quá trình công tác:

Từ 06/1995 – 12/1996	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 01/1997 đến 09/2003	Chuyên viên XN TMDV Nhựa số 1
Từ 10/2003 đến nay	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 3/2008 đến nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: 15.200 cổ phiếu, chiếm 0,07 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 15.200 cổ phiếu, chiếm 0,07 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không



- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2.1.2.3 Ông Nguyễn Văn Thơm

- Chức vụ: Thành viên kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/09/1958
- Nơi sinh: Hà Tây
- CMND: 011057020 cấp ngày 25/2/2005 tại CA. TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Tổ 10 – X2 – Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 0912265404
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1979 đến 3/1981	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp -Gia Lâm-Hà Nội.
Từ 4/1981 đến 6/1985	Phụ trách trung đội, D9, E5, T328, Đặc khu Quảng Ninh.
Từ 7/1985 đến 9/1990	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp và học chuyên tu tập trung Trường ĐH Tài chính kế toán.
Từ 10/1990 đến 7/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Giấy Tiên Sơn, Bắc Ninh
Từ 10/2006 đến 06/2011	Chuyên viên tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 07/2011 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
Từ 3/2008 đến nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.

- Số CP nắm giữ: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2.1.3 Các chức danh khác:

#### 2.1.3.1 Ông Phan Trung Nam-Kế toán trưởng (như mục 2.1.1.2)

#### 2.1.3.2 Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Chức vụ: Giám đốc tài chính, Người công bố thông tin
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/08/1962
- Nơi sinh: Sài Gòn
- CMND: 021409306 cấp ngày 05/5/2003 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: 12/62 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc: 0918160532
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngành Toán điều khiển kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 09/1995 đến 7/1999	Chuyên viên phòng TCKT – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 9/1999 đến 6/2003	Phó phòng TCKT – Tổng Cty Nhựa Việt Nam
Từ 7/2003 đến 9/2006	Phó phòng TCKT – Công ty Nhựa Việt Nam
Từ 10/2006 đến 9/2008	Trưởng phòng TCKT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 10/2008 đến 12/2010	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Từ 01/2011 đến nay	Giám đốc Tài chính Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 2008 đến 7/2013	Thành viên BKS Youlchon Vina
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Youlchon Vina
Từ 3/2014 đến 7 năm 2015	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 7 năm 2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Youlchon Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Youlchon Vina.
  - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Đã thôi không còn là người công bố thông tin từ tháng 7 năm 2015

### 2.1.3.3 Ông Cao Minh Tâm - Người Công bố thông tin ( như mục 2.1.2.1 )

## 3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

### 3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

- Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 59 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	64		62	

a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	3	4,69	4	6,45
	Đại học	29	45,31	24	38,71
	Cao đẳng	3	4,69	6	9,68
	Trung cấp nghề	8	12,50	5	8,06
	Lao động phổ thông	21	32,81	23	37,10
b	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	55	85,94	54	87,10
	Phía Bắc	9	14,06	8	12,90

### 3.2. Chính sách đối với người lao động:

#### 3.2.1 Chế độ làm việc:

##### 3.2.1.1 Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ Hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và Chủ nhật đối với khối Văn phòng, riêng khối sản xuất làm việc tuần 48 giờ, chia 3 ca trong ngày.

##### 3.2.1.2 Điều kiện làm việc:

- Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ đồng phục Văn phòng đối với các phòng ban và phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khối sản xuất theo quy định của nhà nước.

#### 3.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

##### 3.2.2.1 Tuyển dụng:

- Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong cả nước.

##### 3.2.2.2 Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:

- Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Riêng đối với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản

xuất Công ty vẫn thực hiện các hình thức đào tạo tại chỗ bằng cách cử đội ngũ công nhân lành nghề hướng dẫn, kèm cặp đối với những công nhân mới, tay nghề chưa thuần thục và tổ chức cử CBCNV đi học tập, nâng cao tay nghề tại các đơn vị trong cùng hệ thống Công ty và các đơn vị bạn.

### 3.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

#### 3.3.1 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

#### 3.3.2 Bảo hiểm:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp..

## 4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 4.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Công ty không có đầu tư lớn trong năm 2015

### 4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

#### 4.2.1 Công ty con:

##### 4.2.1.1 Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 41,92% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long. Từ tháng 8 năm 2015 Công ty CP Nhựa Thăng Long không còn là Công ty con của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP Nhựa Thăng Long:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	60.472.568.289		
Tài sản dài hạn	85.402.765.816		
Nợ ngắn hạn	57.590.333.807		
Nợ dài hạn	61.764.929.374		
Vốn đầu tư chủ sở hữu	24.000.000.000		
Doanh thu thuần	125.662.698.702		
Lợi nhuận sau thuế	1.193.294.931		

##### 4.2.1.2 Công ty Cổ Phần Nhựa Bắc Giang:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 51% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang. Từ tháng 4 năm 2015 Công ty CP Nhựa Bắc Giang không còn là Công ty con của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	16.969.249.022		
Tài sản dài hạn	2.121.305.536		
Nợ ngắn hạn	14.960.826.003		
Nợ dài hạn	422.454.650		
Vốn đầu tư chủ sở hữu	2.400.000.000		
Doanh thu thuần	48.141.484.466		
Lợi nhuận sau thuế	254.366.565		

#### 4.2.1.3 Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Phước:

- Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đã góp 99,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Việt Phước:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	32.878.671.775	33.972.335.420	
Tài sản dài hạn	9.604.466.293	10.444.128.828	
Nợ ngắn hạn	18.177.097.279	19.067.662.270	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	22.407.000.000	22.407.000.000	
Doanh thu thuần	70.402.294.545	53.683.979.656	
Lợi nhuận sau thuế	1.913.040.789	1.855.801.528	

#### 4.2.1.4 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	10.339.800.481	6.203.710.360	

Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	7.127.145.472	5.276.929.320	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	24.649.351.787	7.543.582.470	
Lợi nhuận sau thuế	(1.150.471.119)	(2.285.873.969)	

4.2.1.5 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	14.542.777.309	2.285.504.505	
Tài sản dài hạn	117.876.175	0	
Nợ ngắn hạn	12.738.858.444	778.384.516	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	154.463.767.069	34.447.893.649	
Lợi nhuận sau thuế	(2.862.829.155)	(414.675.051)	

4.2.1.6 Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam như sau:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	987.394.909	987.394.909	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn			
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1.119.385.500	1.119.385.500	
Doanh thu thuần	25.924.886.343		
Lợi nhuận sau thuế	(115.487.960)		

#### 4.2.2 Công ty liên doanh, liên kết:

##### 4.2.2.1 Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 27,51% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

Khoản mục	Năm 2014(đồng)	Năm 2015(đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	133.975.802.076	135.595.801.973	
Tài sản dài hạn	12.201.940.577	17.530.111.841	
Nợ ngắn hạn	83.252.655.952	104.559.557.088	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	44.279.528.312	44.279.528.312	
Doanh thu thuần	324.561.712.792	373.289.947.798	
Lợi nhuận sau thuế	13.497.348.674	35.202.618.744	

##### 4.2.2.2 Công ty Liên Doanh TPC Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 15% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh TPC Vina. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh TPC Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015(đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	659.060.897.151	547.707.291.945	
Tài sản dài hạn	955.377.337.244	870.127.418.927	
Nợ ngắn hạn	883.065.178.921	686.603.291.258	
Nợ dài hạn	7.667.734.144	8.184.704.803	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	662.620.000.000	662.620.000.000	
Doanh thu thuần	3.370.738.588.335	3.262.007.039.931	
Lợi nhuận sau thuế	(3.858.613.002)	56.841.393.481	

##### 4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

##### 4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 20,69% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Đến ngày 08/04/2015, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày



31/12/2015 của Công ty CP Nhựa Vân Đồn nên công ty cập nhật theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2015 Công ty CP Nhựa Vân Đồn lập ( chưa được kiểm toán).

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	325.801.213.320	336.703.193.534	
Tài sản dài hạn	87.471.082.850	100.229.400.836	
Nợ ngắn hạn	327.317.456.112	341.956.503.344	
Nợ dài hạn	2.262.786.928	3.896.120.265	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	81.000.000.000	81.000.000.000	
Doanh thu thuần	705.946.448.082	669.465.268.964	
Lợi nhuận sau thuế	1.187.863.736	5.776.084.927	

#### 4.2.2.4 Công ty Cổ phần Youl Chon Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Youl Chon Vina. Tính đến ngày 31/12/2015 tình hình tài chính Công ty Cổ phần Youl Chon Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	172.395.008.288	179.571.108.877	
Tài sản dài hạn	121.348.364.854	106.284.094.613	
Nợ ngắn hạn	200.550.446.160	207.563.778.852	
Nợ dài hạn	66.968.061.809	63.628.779.627	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	143.670.158.063	143.670.158.063	
Doanh thu thuần	495.270.409.445	440.480.422.460	
Lợi nhuận sau thuế	(7.083.707.692)	(11.562.220.162)	

## 5. Tình hình tài chính của Công ty CP Nhựa Việt Nam

### 5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	427.229.714.066	406.949.464.787	-4.75%
Doanh thu thuần	371.119.150.103	296.873.399.014	-20.01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.356.966.129)	(980.045.037)	-90.54%

Lợi nhuận khác	140.371.611	201.418.855	43.49%
Lợi nhuận trước thuế	(10.216.594.518)	(778.626.182)	-92.38%
Lợi nhuận sau thuế	(10.216.594.518)	(778.626.182)	-92.38%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

## 5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.5	0.5	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.4	0.4	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.9	0.9	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	19.3	18.7	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	28.2	12.6	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.8	0.7	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.03	-0.002	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.49	-0.03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.02	-0.002	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.03	-0.003	

## 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 6.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 19.428.913 cổ phiếu. Tất cả cổ phần đang lưu hành được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

### 6.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2015:

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	12.794.342	65,85	
2	Cổ đông là tổ chức	2.321.000	11,95	
3	Cổ đông cá nhân	4.313.571	22,20	
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.428.913</b>	<b>100,00</b>	

7. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

8. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

9. **Các chứng khoán khác:**

- Hiện tại. Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thương, trái phiếu...

10. **Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

10.1 **Tình hình sản xuất kinh doanh**

10.1.1 **Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013**

- Ngành nhựa nước ta vẫn đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài. Trong khi đó, những chi phí đầu vào liên tục tăng, sản phẩm sản xuất ra không thể tăng cao do yếu tố cạnh tranh, khiến nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về vốn mà đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kim ngạch thu về từ hoạt động xuất khẩu các sản phẩm này tuy có tốc độ tăng trưởng tốt nhưng trên thực tế lợi nhuận thu về lại không tương xứng. Thời gian qua có khoảng trên 20% trong tổng số các doanh nghiệp của ngành đã phải đóng cửa do không đủ vốn để duy trì hoạt động sản xuất. Từ những khó khăn trên, cộng với tình hình kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, trong năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của ngành tăng trưởng chậm lại.
- Đối với Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, tuy chỉ tiêu doanh thu đã vượt kế hoạch đề ra nhưng đã thực hiện không đạt hầu hết các chỉ tiêu còn lại và đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2012. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế lỗ 158,19 tỷ do một số nguyên nhân chủ yếu sau:
  - Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp. Việc kinh doanh mảng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Nguồn vốn huy động này vừa phục

vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa phải trả một phần các khoản nợ đến hạn trong khi thu hồi công nợ cũ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính.

- Công ty mất cân đối về tài chính do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm và hiệu quả thấp dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không hiệu quả và công ty thiếu vốn để hoạt động.
- Công tác đầu tư tài chính dài hạn không hiệu quả do vay ngân hàng với lãi suất cao, thu cổ tức bình quân thấp, có đơn vị không chi trả cổ tức.
- Kế hoạch thoái vốn tại một số đơn vị rất khó thực hiện, nhất là công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.
- Chênh lệch tỷ giá ODA phát sinh hàng năm, khấu hao thiết bị ODA không đủ nguồn bù đắp cho hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.
- Phải hạch toán bổ sung một số chi phí:
  - Điều chỉnh giảm cổ tức hạch toán cho đúng kỳ : 21,7 tỷ
  - Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: 33,3 tỷ
  - Trích lập dự phòng phải thu khó đòi: 25,6 tỷ
  - Chênh lệch tỷ giá (vay vốn ODA): 44,8 tỷ
  - Giảm lãi do không thực hiện được góp vốn: 14,3 tỷ
  - Trích trước lãi vay ODA (đến hạn chưa thanh toán): 5,8 tỷ
  - Hạch toán chi phí đúng kỳ: 1,4 tỷ

### **10.1.2 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014**

#### **10.1.2.1 Tình hình kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam**

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách

thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu tác động mạnh đến kinh tế theo chiều hướng thuận lợi và khó khăn đan xen.

- Trong năm 2014, ngành nhựa nước ta vẫn đang gặp nhiều khó khăn như phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài, chi phí đầu vào liên tục gia tăng, sự cạnh tranh của các sản phẩm ngoại nhập về mẫu mã, chất lượng dẫn đến nhu cầu về đầu tư, cải tiến công nghệ, dây chuyền sản xuất làm cho nhu cầu vốn lại cao trong khi đó nguồn vốn của công ty lại đang thiếu hụt nghiêm trọng, ngân hàng thì siết chặt tín dụng.
- Năm 2014, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn và vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty trong giai đoạn kinh tế suy thoái. Những hoạt động, cũng như hạng mục đầu tư từ những năm trước vẫn không mang lại hiệu quả cao, trong khi đó công ty lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh. Ngành nhựa 2014 đang có xu hướng xuất khẩu thành phẩm vì tỷ giá hối đoái trong năm liên tục tăng. Tuy nhiên, các mặt hàng nhựa của công ty gần đây do thiếu sự đổi mới trong mẫu mã, tính năng nên không mang lại kim ngạch xuất khẩu cao, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của công ty trong năm 2014 chủ yếu vẫn là nguyên liệu nhựa.
- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cũng gặp phải khó khăn trong việc thu hồi công nợ để xoay vòng vốn. Giá cả nguyên liệu nhập khẩu không ổn định, giảm sâu do sự bất ổn của nền kinh tế thế giới kéo dài ảnh hưởng lớn đến công tác nhập nguyên liệu phục vụ công tác kinh doanh. Với lượng hàng hóa tồn kho, để cạnh tranh, giữ vững thị phần công ty đã phải thực hiện chính sách giảm giá hàng bán.
- Đồng thời, Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn

trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn triển khai không đạt tiến độ dự kiến.

- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.

**\* Kết quả kinh doanh năm 2014 Công ty Mẹ**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	81,6	85,3
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	7,9		30,8	389,9	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	118,9		31,2	26,2	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	30,7		22,3	72,6	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7		3,5	61,4	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	42,1		14,0	33,3	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

**\* Kết quả kinh doanh năm 2014 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng*	913,1		696,8	76,3	
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	8,6		6,8	79,1	

Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	83,4		33,4	40	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	35,8		27,3	76,3	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	12,9		9,9	76,7	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	57,3		31,6	55,1	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(96,4)		(30,5)		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

- Trước bối cảnh khó khăn nêu trên, Công ty đã thực hiện tiết giảm tối đa chi phí nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, hoàn nhập một phần nợ khó đòi đã trích lập năm 2013 nên kế hoạch lỗ của Công ty thực hiện theo đúng tình hình thực tế đã đề ra.

### 10.1.3 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015

- Nguyên liệu là nút thắt của ngành Nhựa, trong khi Việt Nam vẫn chưa có ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa, hơn 80% nguyên liệu ngành nhựa vẫn phải nhập khẩu, trong khi đó giá nguyên liệu phụ thuộc vào giá dầu vốn đang rất thất thường và khó dự đoán. Năm 2015 là năm mà giá dầu bình quân trên thế giới giảm sâu và kéo dài nhất trong lịch sử. Giá dầu bình quân năm 2015 giảm 45% so với giá dầu năm 2014 và liên tục giảm sâu đến cuối năm 2015. Công ty CP Nhựa Việt Nam là công ty chuyên về kinh doanh nguyên liệu nhựa, chịu ảnh hưởng lớn từ giá cả nhập khẩu nguyên liệu, nên với việc giá dầu thô giảm mạnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhập khẩu nguyên liệu. Mặc dù giá hạt nhựa giảm nhưng biến động khó lường và các hợp đồng nguyên liệu thường được ký trước ít nhất 01 tháng nên rất khó cho công ty trong việc chủ động mua tích trữ nguyên liệu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn gặp phải khó khăn về tài chính do ảnh hưởng của việc mất cân đối tài chính từ những năm trước nên không đủ tiềm lực tài chính để đầu cơ. Việc tăng tỷ giá USD trong năm cũng là một khó khăn cho việc nhập khẩu nguyên liệu nhựa. Vì vậy, hiệu quả từ việc kinh doanh nguyên liệu không cao.
- Đến thời điểm cuối năm 2015, số lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần nhựa Việt Nam chiếm khoảng gần 90% vốn điều lệ, mặc dù cũng đã tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước song chi phí tài chính vẫn ở mức cao. Công

ty mới thực hiện được việc thoái vốn ở những đơn vị có vốn góp nhỏ, việc thoái vốn ở những đơn vị có ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của Công ty và việc thu hồi công nợ lớn vẫn chưa thực hiện được. Vì thế, kết quả kinh doanh dù có khả quan hơn so với năm 2014, nhưng chủ yếu là do đóng góp từ công ty liên doanh, từ thực hiện phương án tái cơ cấu, sử dụng nguồn tiền thoái vốn, tiết giảm chi phí đầu vào như, chi phí tài chính (lãi vay), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và hoàn nhập một phần nợ khó đòi của Công ty.

- Năm 2015, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết hết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty. Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

**\* Kết quả kinh doanh năm 2015 Công ty Mẹ**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2014 (%)	Tỷ lệ TH2015 /KH2015 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	371,1	450	296,9	80	59,98
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	30,8		24,9	80,8	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	31,2		26,3	84,3	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	22,3		18,7	83,9	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	3,5		2,8	80	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	14,0		8,2	58,6	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	-10,2		-0,8		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

**\* Kết quả kinh doanh năm 2015 Công ty hợp nhất**



Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2014 (%)	Tỷ lệ TH2015 /KH2015 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	696,8		447,8	64,3	
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	6,8		23,6	347	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	33,4		23,3	69,8	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	27,3		21,7	79,5	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	9,9		6,5	65,7	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	31,6		18,9	59,8	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(30,5)		20,7		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

#### 10.1.3.2 Kết quả hoạt động của các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:
  - Doanh thu thực hiện 53,68 tỷ đồng, giảm 23,75% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 2,06 tỷ đồng, giảm 3% so với năm trước
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam
  - Doanh thu thực hiện 0 đồng,
  - Lợi nhuận trước thuế: 0 đồng.
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
  - Doanh thu thực hiện 7,54 tỷ đồng, giảm 69,4% so với năm trước.
  - Lợi nhuận trước thuế -2,29 tỷ đồng, tăng 98,7% so với năm trước
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
  - Doanh thu thực hiện 34,45 tỷ đồng, giảm 77,7% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế: - 0,41 tỷ đồng giảm 85,52% so với năm trước

- Đối với hoạt động của các công ty thương mại do không có hiệu quả từ năm trước, Công ty đã có giải pháp cho ngừng kinh doanh, cắt giảm nhân sự và tập trung thu hồi công nợ. Vì vậy, các đơn vị này tuy còn lỗ nhưng đã giảm đáng kể so với năm trước.

#### 10.1.3.3 Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

##### ➤ Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem

- Doanh thu thực hiện 373,29 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế: 45,37 tỷ đồng, tăng 159,82% với năm trước.

##### ➤ Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina

- Doanh thu thực hiện 3.262 tỷ đồng, giảm 3,2% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế: 71,31 tỷ đồng (Năm 2014 lỗ 3,70 tỷ đồng)

##### ➤ Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina

- Doanh thu thực hiện 440,48 tỷ đồng, giảm 11,06% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: -11,56 tỷ đồng, tăng 63,22% so với năm trước

##### ➤ Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn

- Doanh thu thực hiện 669,46 tỷ đồng, giảm 5,17% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế: 7,41 tỷ đồng, tăng 351,12% so với năm trước

#### 10.1.4 Hoạt động đầu tư

- Trong năm 2015, ngoài dự án sản xuất két nhựa cung cấp két bia cho Công ty Bia Sài Gòn đặt tại Củ Chi đã đi vào hoạt động ổn định, Công ty có phương án mở rộng sản xuất mặt hàng khác, nhưng vẫn chưa triển khai được do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế và áp lực từ lãi vay ngân hàng nên công ty chỉ tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

#### 10.1.5 Hoạt động tài chính:

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn: là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam sở hữu 1.676.080 cổ phần, chiếm 20,69 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Đây là đơn vị có cổ tức thu về không bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng, kế hoạch của Vân Đồn trong năm 2015, 2016 không chia cổ tức. Đơn vị chưa niêm yết trên sàn chứng khoán, lại chiếm tỷ lệ góp vốn thấp nên việc thoái vốn rất hạn chế, rất ít nhà đầu tư quan tâm.
- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước: là Công ty con của Công ty cổ phần nhựa Việt Nam, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 2.229.849 cổ phần, chiếm 99,52 %. Được thành lập từ năm 2008, bắt đầu có lãi và chia cổ từ năm 2012, với tỷ lệ chia cổ tức từ 5% - 6%, bằng với lãi tiết kiệm ngân hàng, trong khi Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đầu tư vào đơn vị này bằng vốn vay ngắn hạn với lãi suất 9 -10%. Công ty đã tích cực trong việc tìm đối tác chuyển nhượng, nhưng do vốn hoạt động phần lớn là máy móc ODA và có hợp đồng thuê máy ODA với công ty mẹ, nên phía đối tác không mua.
- Công ty Cổ phần Nhựa và Hóa chất TPC Vina: Đây là đơn vị liên doanh, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 5.250.000 USD góp vốn chiếm tỷ lệ 15%. Hàng năm, Công ty này chia cổ tức thấp hơn lãi vay ngân hàng và không ổn định (năm có năm không). Tuy nhiên, việc thoái vốn chưa thực hiện được do còn một số vướng mắc:
  - \* Phía TPC Vina chỉ đồng ý khi mua đồng thời cả hai phần vốn góp của VinaChem và Vinaplast với giá 6.300.000 USD mỗi bên, trong khi phía VinaChem chỉ đồng ý chuyển nhượng theo kết quả định giá của phía họ với giá 7.145.000 USD. Vì vậy, các bên chưa thống nhất về giá chuyển nhượng.
  - \* Chưa hoàn tất thủ tục về đất đai
- Khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên trị giá 21 tỷ (29%): Công ty đang phối hợp với Công ty CP Nhựa Thăng Long tìm đối tác chuyển nhượng để giảm mất cân đối.
- Hoàn tất việc thoái vốn và có hiệu quả đối với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú, Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

#### **10.1.6 Công tác nghiên cứu - đào tạo:**

➤ Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi lương một phần cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:

- Đề tài: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất nhựa phục vụ ngành thực phẩm, đồ uống giải khát và đóng gói”.
- Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm bao bì nhựa nhằm giúp nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp”
- Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng chế tạo vật liệu composit trên cơ sở nhựa và bột gỗ biến tính ứng dụng làm vật liệu xây dựng”
- Đề tài: “Hoàn thiện dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa dễ phân hủy sinh học để thay thế nhựa truyền thống nhằm giảm ô nhiễm môi trường”

#### **10.1.7 Cơ cấu lại tổ chức, bộ máy**

- Dừng hoạt động các công ty con mà Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nắm quyền chi phối nhưng có kết quả kinh doanh kém hiệu quả là Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1 và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An: các đơn vị này Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam hình thành với 100% vốn với mục tiêu là hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả ít nhất bằng lãi suất huy động của ngân hàng hiện tại, đồng thời giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động. Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã yêu cầu đơn vị dừng hoạt động, chỉ tập trung thu hồi công nợ.
- Giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội, cắt giảm nhân sự, sáp nhập vào Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.

### **10.2 Phương hướng thực hiện kế hoạch 2016**

Năm 2016, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn như tốc độ tăng trưởng có nguy cơ giảm sút, khó khăn trong việc thu hồi công nợ để xoay vòng vốn, ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên liệu nhập khẩu không ổn định và khó lường.

#### **10.2.1 Mục tiêu và nhiệm vụ đối với sản xuất, kinh doanh**

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa. Đẩy mạnh công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả
- Từng bước hình thành Nhà máy sản xuất nhằm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thử nghiệm trong sản xuất, vừa gây dựng và phát triển thương hiệu, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động để đẩy mạnh năng suất lao động.
- Thực hiện một số dự án đầu tư mới với suất đầu tư nhỏ, có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn, nhu cầu thị trường và tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có, tạo ra sản phẩm nhựa do chính Vinaplast sản xuất. Mở rộng thêm các sản phẩm có thể sản xuất, tiêu thụ trong nước để thay thế hàng nhập khẩu, tận dụng việc được bảo hộ trong nước hoặc các sản phẩm kỹ thuật cao, tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa hoặc các sản phẩm thay thế sản phẩm truyền thống, giảm thiểu ô nhiễm môi trường: phế liệu, màng nhựa BOPP...
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Mục tiêu tài chính:
  - + Đối với khoản nợ vay dài hạn: Làm việc với Bộ Tài Chính xin xử lý rủi ro đối với khoản nợ ODA của Chính phủ Trung Quốc do sử dụng không có hiệu quả khoản vay này, nguồn thu không đủ bù đắp chi phí khấu hao, lãi vay, chênh lệch tỷ giá... ( Hiện nay, Ngân hàng Phát triển đã có Công văn gửi Bộ Tài chính xem xét, giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp).
  - + Đối với khoản nợ ngắn hạn:
    - \* Tích cực thu đòi công nợ, lập Hồ sơ đề nghị Tòa án giải quyết trong trường hợp nợ phải thu khó đòi lớn và khách hàng không có khả năng chi trả.
    - \* Cơ cấu lại tài sản hiện có ( Tòa nhà 39A Ngô Quyền) bằng cách chuyển nhượng để giải quyết tức thời khoản nợ ngắn hạn đầu tư dài hạn.

\* Cơ cấu lại vốn để xử lý các khoản nợ ngắn hạn do việc sử dụng vốn không hiệu quả bằng cách thoái vốn tại một số đơn vị liên doanh như Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina, Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.

\* Lập kế hoạch tài chính chi tiết, cân đối chặt chẽ nhu cầu vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án với lợi nhuận, vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác ....

\* Cơ cấu lại nợ: tìm kiếm nguồn vốn vay có thời hạn dài, lãi suất và chi phí thấp để trả nợ nhằm thay thế các nguồn vốn đang sử dụng, giảm áp lực tài chính cho quá trình sản xuất kinh doanh hiện tại và cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay.

- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng - thu hồi nợ. Thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí quản lý, bán hàng.
- Khai thác có hiệu quả bất động sản hiện có.
- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại, đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.
- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

#### **10.2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đặt ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2016 như sau:

- Doanh thu công ty mẹ : 300 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ : 2 tỷ đồng.

*Giải trình cơ sở xây dựng kế hoạch năm 2016:*

- Doanh thu thực hiện chủ yếu do kết quả kinh doanh của các Phòng kinh doanh của Công ty từ việc kinh doanh nguyên liệu nhựa và một phần doanh thu từ việc khai thác bất động sản, kinh doanh chuỗi cách điện, tiêu thụ kết nhựa. Cũng do nguồn vốn hạn hẹp nên sản lượng kinh doanh không cao.
- Tuy bán được tài sản là nhà 39A Ngô Quyền nhưng chỉ giải quyết trước mắt là khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm giảm áp lực về chi phí lãi vay và một phần vốn chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Do việc cho thuê tài chính không có hiệu quả (thiết bị từ nguồn vốn ODA khai thác với công suất thấp, có thiết bị không khai thác được) trong khi phải thanh toán lãi vay dài hạn đến hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Phát triển. Ngoài ra, Công ty phải chịu ảnh hưởng của việc chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ (dự kiến tăng 10%). Hồ sơ xử lý rủi ro xin khoan, giãn nợ của Công ty đề xuất đã được Ngân hàng Phát triển chấp thuận nhưng chưa được Bộ Tài chính xét duyệt. Tuy nhiên, thực hiện Hợp đồng đã ký kết, Công ty sẽ phải thanh toán lãi trả chậm trong khi chưa được xét khoan và dồn trả nợ trong những năm tiếp theo theo giới hạn Hiệp định khung. Vì vậy, việc đầu tư dài hạn kém hiệu quả này vẫn chưa được giải quyết.
- Việc thoái vốn tại một số công ty liên doanh, liên kết, công ty con rất khó thực hiện do việc góp vốn một phần thực hiện qua việc đầu tư thiết bị ODA kém hiệu quả hay do số vốn góp không đủ chi phối hoạt động của đơn vị nên khó thu hút nhà đầu tư quan tâm.
- Công nợ phải thu vẫn chiếm tỷ lệ lớn.
- Tiếp tục giải quyết tồn đọng từ những năm trước.

### 10.3 Dự án đầu tư dự kiến

- Đầu tư xây dựng Nhà máy tái chế phế liệu: Qua tìm hiểu thị trường sản phẩm này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:
  - Xuất phát từ nhu cầu xử lý phế liệu nhựa thu hồi từ công nghiệp và tiêu dùng của dân cư, đồng thời tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa.
  - Đây là dự án kỹ thuật cao, liên quan đến tái chế phế liệu
  - Thiết bị sử dụng hoàn toàn mới theo công nghệ của Mỹ
  - Được Ngân hàng thu xếp về vốn để thực hiện Dự án
  - Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn ở phía Nam
  - Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chuỗi cách điện: Đây là một trong hai chương trình công nghệ cao của Chính phủ, sản xuất ra sản phẩm chuỗi cách điện polymer với lớp phủ caosu silicol, thay thế nhu cầu trong nước hiện nay vẫn phải nhập

khẩu, tạo thế chủ động trong sản xuất sản phẩm mới của ngành. Dự án với số vốn đầu tư khoảng 70 tỷ, được Ngân sách tài trợ khoảng 30%.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất túi sinh học: Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ sản xuất nhựa sinh học là không dẫn xuất từ dầu mỏ mà từ các nguyên liệu sinh học nên kết hợp với các nguyên liệu như tinh bột, giấy, đường... tạo ra nguyên liệu và sản phẩm nhựa phân hủy 100%. Dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa dễ phân hủy sinh học để thay thế truyền thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Vinaplast đã hoàn thành công tác nghiên cứu về nhựa sinh học trong hai năm 2011, 2012 và đang tiến hành nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm.

## 11. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 11.1 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2013

- Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 30/6/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Quyết định số 34/QĐ-NVN-HĐQT ngày 29/7/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã thực hiện kiểm toán lại Báo cáo tài chính năm 2013.
- Theo đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 sau khi kiểm toán lại như sau:

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013 (không thông qua)	TH năm 2013 (kiểm toán lại)	Chênh lệch
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	495,6	492,7	- 2,9
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	16,4	7,9	- 8,5
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	32,3	118,9	86,6
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	24,8	30,7	5,9
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7	5,7	0
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	19,8	42,1	22,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 22,4	- 158,2	-135,8
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán lại so với báo cáo tài chính đã kiểm toán lần đầu thì các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giảm trong khi tất cả các chi phí đều tăng hơn, cụ thể:



- Tổng tài sản giảm 115,57 tỷ đồng
- Tài sản ngắn hạn giảm 44,73 tỷ đồng
- Tài sản dài hạn giảm 70,83 tỷ đồng
- Nợ phải trả tăng 22,7 tỷ đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 138,27 tỷ đồng
- Lỗ kế toán trước thuế tăng 135,81 tỷ đồng.

▪ *Nguyên nhân khách quan:*

- Do chịu ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế, sức mua thị trường ở mức thấp, việc tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn, dẫn đến doanh thu bán hàng giảm, hàng tồn kho cao và phải giảm giá hàng bán. Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp.
- Do giá cả nguyên liệu lên xuống thất thường (giá hạt nhựa PVC và HDPE bình quân trong quý 3 đều đã tăng 5-10% so với giai đoạn đầu năm 2013) và mức lãi biên của mặt hàng kinh doanh này thấp trong khi kinh doanh mảng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể.

▪ *Nguyên nhân chủ quan:*

- Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn và mất cân đối về tài chính nghiêm trọng do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn là 166 tỷ, tương đương 85,4% vốn điều lệ. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm, hiệu quả thấp, chi phí khấu hao máy móc hàng năm và chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không đạt và công ty thiếu vốn để hoạt động.
- Sản xuất kinh doanh không hiệu quả do hoạt động chủ yếu bằng vốn vay, thu hồi công nợ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính. Trong năm.
- Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do khách hàng mất khả năng thanh toán, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ của công ty.
- Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 13,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,2%.

Trong đó có những đơn vị đầu tư từ năm 2011 đến nay không chia cổ tức như: Nhựa Vân Đồn hoặc lỗ như Công ty CP Nhựa Youlchon Vina, điều đó cho thấy việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư tài chính dài hạn nhìn chung là không hiệu quả.

- Kế hoạch thoái vốn tại công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina chưa thực hiện được do kế hoạch trì hoãn của phía đối tác và chưa thỏa thuận được giá chuyển nhượng.
- Chưa hoạch định được một chiến lược kinh doanh hiệu quả (đầu tư dàn trải, không được kiểm soát, công tác nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh không thường xuyên, định kỳ, không làm kỹ lưỡng, chuyên sâu. Xây dựng chiến lược kinh doanh vội vàng, đơn giản không dựa trên những căn cứ xác đáng; Quy mô kinh doanh dàn trải: Bắc, Trung, Nam: chia cắt sức lực, tăng chi phí dẫn đến giảm lợi nhuận).
- Nguồn nhân lực vừa thừa vừa thiếu - tổ chức bộ máy chồng chéo chưa hợp lý.
- Kiểm toán lại báo cáo tài chính 2013

#### 11.2 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	NQ ĐHCĐ năm 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	76,3	85,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-

\* Nguyên nhân chính làm cho doanh thu không đạt kế hoạch và lợi nhuận của Công ty lỗ:

- Doanh thu thực hiện giảm 18,4% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 85,3% so với nghị quyết đề ra do Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam không còn là đại lý độc quyền cung cấp màng BOPP của YCC đến hết tháng 4/2014 nên sản lượng và lợi nhuận kinh doanh màng BOPP sụt giảm.
- Giá nguyên liệu nhựa diễn biến phức tạp khó dự đoán để có kế hoạch nhập bán phù hợp, nhất là thời điểm giảm sâu vào những tháng cuối năm. Hơn nữa, cạnh

tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành hết sức gay gắt, có lúc phải thực hiện giảm giá hàng bán để giải quyết hàng tồn kho giá cao.

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.
- Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn, thu hồi công nợ triển khai không đạt tiến độ dự kiến.
- Việc khai thác bất động sản chưa đạt hiệu quả cao nhất do ảnh hưởng của tình hình thị trường, công ty phải thực hiện giảm giá để thu hút khách thuê.

### 11.3 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015

Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	NQ ĐHCĐ năm 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2015 (%)	Tỷ lệ TH2015 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	371,1	450	269,9	80	60
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	-10,2	-1,1	-0,8		

\* Nguyên nhân chính làm cho doanh thu không đạt kế hoạch và lợi nhuận của Công ty lỗ:

- Doanh thu thực hiện giảm 20% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 60% so với nghị quyết đề ra do có sụt giảm đáng kể về sản lượng. Do giá nguyên liệu nhựa diễn biến phức tạp khó dự đoán để có kế hoạch nhập nguyên liệu nhựa thích hợp cùng với những khó khăn về nguồn vốn kinh doanh nên Công ty không đủ khả năng để tích trữ nguyên liệu phục vụ cho yếu tố đầu cơ.
- Năm 2015, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty. Mặc dù mặt bằng lãi suất năm 2015 có giảm nhưng chi phí lãi vay vẫn ở mức cao.

- Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Năm 2015, Công ty đã thực hiện tiết giảm đáng kể chi phí bán hàng, chi phí quản lý.
- Vì vậy, tuy không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng chỉ tiêu lợi nhuận của công ty cũng đã được cải thiện đáng kể, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo.

#### **11.4 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành**

\* Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo bài bản về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: củng cố tổ chức bộ máy, thực hiện đồng bộ các giải pháp về tiết kiệm, tập trung chỉ đạo và từng bước tháo gỡ khó khăn cho công ty.

Tuy nhiên, HĐQT đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra được sản phẩm mới trong năm 2015.
- Đứng trước áp lực và hiệu quả trong mảng kinh doanh, đòi hỏi Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt bộ phận kinh doanh, rà soát, đánh giá lại hệ thống phân phối để có những điều chỉnh phù hợp.

- Đẩy mạnh công tác thoái vốn, thu hồi công nợ và tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

## 12. Quản trị công ty.

### 12.1 Hội đồng quản trị

#### 12.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Đến ngày 31/12/2015)

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Hoàng	Chủ tịch	4.350.076	23,39%
2	Phan Trung Nam	Thành viên	4.222.133	21,73%
3	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	4.227.533	21,76%
4	Đỗ Văn Hiếu	Thành viên	0	0,00%
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	21.300	0,11%

#### 12.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban

#### 12.1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản 12 phiên. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời Ban Lãnh đạo Công ty, trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Căn cứ và kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các nghị quyết và quyết định quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Số CV	Ký hiệu	Ngày	Nội dung

05	05/QĐ-NVN-HĐQT	19/03/2015	Quyết định chuyển nhượng cổ phần của Cty CP Nhựa Việt Nam tại Cty CP Nhựa Tân Phú
08	08/BB-NVN-HĐQT	24/03/2015	Về việc tái cấp hạn mức ngân hàng BIDV
09	09/QĐ-NVN-HĐQT	24/03/2015	QĐ về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang
10	10/QĐ-NVN-HĐQT	24/03/2015	QĐ về việc cử người đại diện quản lý cổ phần của Vinaplast tại Cty CP Nhựa Thăng Long nhiệm kỳ 2015-2020
11	11/BB-NVN-HĐQT	08/04/2015	Về việc chấp thuận đơn xin nghỉ phép của TGD
12	12/BB-NVN-HĐQT	14/04/2015	Về việc đề nghị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) cấp tín dụng cho công ty bằng các hình thức cho vay, bảo lãnh (bao gồm cả phát hành thư tín dụng), chiết khấu và các hình thức khác
15	15/NQ-NVN-HĐQT	14/05/2015	Nghị quyết họp-HĐQT về tổ chức đại hội cổ đông năm 2015
16	16/TB-NVN-HĐQT	14/05/2015	Thông báo ngày chốt danh sách cổ đông để tiến hành ĐHCD năm 2015
20	20/QĐ-NVN-HĐQT	19/05/2015	QĐ của HĐQT về việc cho thôi giữ chức PTGD Cty CP Nhựa VN
22	22/QĐ-NVN-HĐQT	21/05/2015	QĐ của HĐQT về việc thôi cử làm người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa VN tại Cty CP Nhựa Bắc Giang
25	25/NQ-NVN-HĐQT	29/05/2015	Nghị quyết HĐQT về việc điều động và đề cử nhân sự tại Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem và Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina
29	29/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người đứng đầu VPĐD Công ty CP Nhựa Việt Nam tại HN
31	31/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	Quyết định giải thể Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội
32	32/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ về việc giao nhiệm vụ cho TGD tổ chức lại lao động sau khi giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội

32	33/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ về việc Khởi kiện Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn ra Tòa án có thẩm quyền về việc vi phạm cam kết thanh toán nợ nếu đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn không thanh toán công nợ cho Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam theo kế hoạch cam kết.
34	34/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ chủ trương bán tài sản nhà 39A Ngô Quyền và giao nhiệm vụ cho TGD Công ty CP Nhựa VN xây dựng phương án để trình HĐQT quyết định.
35	35/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ chủ trương chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Thăng Long và Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước và giao nhiệm vụ cho TGD Công ty CP Nhựa VN xây dựng phương án chuyển nhượng để HĐQT quyết định.
36	36/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ chủ trương thực hiện các dự án đầu tư và giao nhiệm vụ cho TGD Công ty CP Nhựa VN xây dựng phương án đầu tư: xử lý phế liệu và máy phân cuộn để HĐQT quyết định.
37	37/QĐ-NVN-HĐQT	11/06/2015	QĐ về tờ trình của Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam về việc bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự
43	43/QĐ-NVN-HĐQT	08/07/2015	Quyết định của HĐQT về việc chuyển nhượng CP của Cty CPNVN tại Cty CP Nhựa Thăng Long
44	44/QĐ-NVN-HĐQT	08/07/2015	Quyết định của HĐQT về việc chuyển nhượng CP của Cty CPNVN tại Cty CP Nhựa Việt Phước
45	45/QĐ-NVN-HĐQT	08/07/2015	Quyết định của HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015
48	48/NQ-NVN-HĐQT	10/08/2015	Nghị quyết hợp HĐQT thông qua giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu Công ty
53	53/QĐ-NVN-HĐQT	31/08/2015	Quyết định thôi cử người đại diện quản lý phần vốn của Cty CP NVN tại Cty CP Nhựa Thăng Long
54	54/NQ-NVN-HĐQT	20/10/2015	Nghị quyết về việc đề nghị tái cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn
57	57/QĐ-NVN-HĐQT	31/12/2015	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương năm 2015
58	58/QĐ-NVN-HĐQT	31/12/2015	Quyết định ban hành quy chế tài chính Công ty CP Nhựa Việt Nam

59	59/QĐ-NVN-HDQT	31/12/2015	Quyết định chuyển nhượng tài sản nhà 39A Ngô Quyền
----	----------------	------------	--

**12.1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

- Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp HĐQT trong năm.

**12.2 Ban Kiểm soát**

**12.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Cao Minh Tâm	Trưởng Ban		0%
2	Nguyễn Văn Thơm	Thành viên	7.700	0,04%
3	Lê Thị Kim Phượng	Thành viên	15.200	0,07%

**12.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
  - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
  - Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành công ty.
  - Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
  - Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
  - Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2015.



- Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.

### 13. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

#### 13.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Năm 2015, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 307.200.000 đồng bằng 100% tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 30/6/2015. cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	220.800.000
2	Ban kiểm soát	86.400.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>307.200.000</b>

- Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tại Công ty ngoài tiền lương, thưởng theo quy chế tiền lương, thưởng của Công ty đã được duyệt theo quy định.

#### 13.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2015

#### 13.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Trong năm 2015, không có hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ.

#### 13.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

### 14. Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### 14.1 Ý kiến kiểm toán

Số: 111 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Chúng tôi tham chiếu đến Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng và năm tài chính tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng có đề cập đến khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016*

Chữ Mạnh Hoan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

14.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (Đính kèm báo cáo này)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ HOÀNG**

**VACO**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-31

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên
Ông Phan Trung Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập

#### Tổng Giám đốc

Ông Lê Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tác	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/05/2015)

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Số: *MS/VACO/BCKT.NV2***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác. Tổng tài sản của công ty con là 43,4 tỷ đồng, chiếm 9,66% tổng giá trị tài sản của Báo cáo tài chính hợp nhất; tổng doanh thu của công ty con 53,6 tỷ đồng, chiếm 11,97% tổng doanh thu của Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết liên quan đến báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty con này, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty.

Công ty liên doanh, liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina chưa được kiểm toán. Tổng giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ (như tại Thuyết minh số 6) lần lượt là 0,356 tỷ đồng và 18,75 tỷ đồng; Lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết lần lượt là 0,245 tỷ đồng và 8,52 tỷ đồng, chiếm 43,4% lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết liên quan đến báo cáo tài chính đã kiểm toán của các Công ty liên doanh, liên kết này, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty.

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15  
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

*Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1

\_\_\_\_\_  
**Chử Mạnh Hoan**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1403-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.184.991.017</b>	<b>249.022.219.183</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.069.890.607	18.824.115.406
1. Tiền	111		8.069.890.607	15.774.115.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.000.450.000	41.700.450.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	39.000.450.000	41.700.450.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.437.104.219	109.183.117.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	97.684.855.047	114.360.221.402
2. Trả trước cho người bán-ngắn hạn	132		1.144.125.787	3.605.164.891
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.045.877.275	16.825.431.431
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(25.437.753.890)	(25.781.007.483)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	173.307.656
IV. Hàng tồn kho	140	10	62.686.887.304	72.365.203.976
1. Hàng tồn kho	141		64.105.403.307	75.550.038.786
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.418.516.003)	(3.184.834.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.990.658.887	6.949.331.904
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	197.741.772	564.609.850
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	6.680.289.418	6.252.432.301
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	112.627.697	132.289.753
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>242.404.749.335</b>	<b>336.429.751.638</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.275.475.750	324.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		251.475.750	300.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	12	21.024.000.000	24.000.000
II. Tài sản cố định	220		73.196.410.156	110.556.633.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	65.935.358.554	91.232.207.047
- Nguyên giá	222		155.474.583.596	194.224.817.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.539.225.042)	(102.992.610.336)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.261.051.602	19.324.426.005
- Nguyên giá	228		11.628.490.711	24.658.558.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.367.439.109)	(5.334.132.706)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	173.023.577	59.501.705.729
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		173.023.577	59.501.705.729
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	145.096.926.745	162.430.766.573
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.096.926.745	151.038.266.573
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	11.392.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.662.913.107	3.616.646.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.662.913.107	3.616.646.284
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>449.589.740.352</b>	<b>585.451.970.821</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>406.593.090.056</b>	<b>551.115.429.202</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>327.539.561.880</b>	<b>391.645.282.746</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	72.130.642.176	91.550.891.607
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.083.557.975	1.819.362.565
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.512.540.126	12.394.785.203
4. Phải trả người lao động	314		1.200.691.687	3.389.597.317
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	14.718.045.308	10.580.223.412
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	295.454.650
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	24.728.614.764	23.211.331.777
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	201.789.526.691	248.186.117.390
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		375.943.153	217.518.825
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79.053.528.176</b>	<b>159.470.146.456</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	61.675.634.933
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	79.053.528.176	97.794.511.523
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.996.650.296</b>	<b>34.336.541.619</b>
<b>L. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>42.517.661.496</b>	<b>33.636.921.446</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		199.031.463	1.243.552.030
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	421	21	(152.088.413.497)	(169.482.162.373)
- LNST/ (Lỗ) chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(172.868.643.957)	(149.259.382.344)
- LNST/ (Lỗ) chưa phân phối năm nay	421b		20.780.230.460	(20.222.780.029)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		117.913.530	7.586.401.789
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>478.988.800</b>	<b>699.620.173</b>
1. Nguồn kinh phí	431		478.988.800	699.620.173
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>449.589.740.352</b>	<b>585.451.970.821</b>



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/03/2016

Phan Trung Nam  
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	448.362.125.776	701.803.629.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	576.178.109	5.038.429.385
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		447.785.947.667	696.765.199.725
4. Giá vốn hàng bán	11	25	418.194.944.570	661.573.722.598
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.591.003.097	35.191.477.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	23.562.610.294	6.775.404.604
7. Chi phí tài chính	22	27	23.328.288.314	33.432.255.937
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.710.624.226	27.348.899.619
8. Lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết	24		14.997.000.202	1.260.341.624
9. Chi phí bán hàng	25	28	6.534.281.601	9.972.224.187
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18.889.799.160	31.590.806.807
11. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		19.398.244.518	(31.768.063.576)
12. Thu nhập khác	31		1.554.205.639	1.869.740.084
13. Chi phí khác	32		262.530.347	571.582.376
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.291.675.292	1.298.157.708
15. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.689.919.810	(30.469.905.868)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		478.622.750	691.449.256
17. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.211.297.060	(31.161.355.124)
<u>Trong đó:</u>				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		20.202.310.001	(31.550.504.777)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		8.987.059	389.149.653
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.040	(1.642)



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/03/2016

Phan Trung Nam  
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	463.289.573.141	890.668.666.395
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(425.272.793.854)	(808.822.760.782)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.058.241.162)	(28.252.081.534)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(16.461.110.167)	(22.566.944.395)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(578.203.940)	(642.962.300)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.182.968.393	19.559.052.706
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53.300.403.525)	(50.859.438.045)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(41.198.211.114)</b>	<b>(916.467.955)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.866.522.389)	(1.949.418.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	720.136.363	995.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.600.000.000)	(52.070.450.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.098.524.250	27.621.850.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	37.081.778.824	980.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.758.351.810	26.204.968.519
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>46.192.268.858</b>	<b>1.781.950.454</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	332.841.546.073	473.983.499.585
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(348.245.190.474)	(492.693.294.940)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(337.565.850)	(1.808.692.595)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(15.741.210.251)</b>	<b>(20.518.487.950)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.747.152.507)</b>	<b>(19.653.005.451)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>18.824.115.406</b>	<b>38.496.500.592</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(7.072.292)</b>	<b>(19.379.735)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8.069.890.607</b>	<b>18.824.115.406</b>



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/03/2016

Phan Trung Nam  
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công Thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/08/2013 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm từ plastic.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Ngoài sự kiện Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 493/QĐ-SGDHN ngày 07/08/2015. Trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Các công ty con bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một
3. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An
4. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam

Các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
2. Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina
3. Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina
4. Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại các Công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long theo các quyết định của Hội đồng Quản trị số 09/QĐ-NVN-HDQT ngày 24/3/2015 và Quyết định số số 43/QĐ-NVN-HDQT ngày 08/07/2015; thực hiện giải thể chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 31/QĐ-NVN-HDQT ngày 11/06/2015 của Hội đồng Quản trị nhằm cơ cấu lại tổ chức hoạt động của Công ty.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó để đảm bảo khả năng so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được trình bày lại như tại Thuyết minh số 34 - Số liệu so sánh.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty liên doanh, liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ-Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và báo cáo tài chính của 04 (bốn) Công ty con. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con, giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Tỉnh Bình Dương	99,52%	99,52%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	Tp. Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số 1	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh thương mại

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên danh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác khi các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc, thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất:** Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Phần mềm máy tính:** Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

##### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là toàn bộ số chi phí thực tế đã phát sinh phục vụ cho các hoạt động công ích của Công ty theo các lệnh sản xuất. Trong năm Công ty đã trích các chi phí này vào giá vốn của hoạt động sản xuất công ích.

##### Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực tế của các cổ đông. Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.222.468.232	7.354.889.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.847.422.375	8.419.226.350
Các khoản tương đương tiền	-	3.050.000.000
Cộng	8.069.890.607	18.824.115.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
<i>Ngắn hạn</i>	<b>39.000.450.000</b>	<b>39.000.450.000</b>	<b>41.700.450.000</b>	<b>41.700.450.000</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm	39.000.450.000	39.000.450.000	41.700.450.000	41.700.450.000		
	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<b>145.096.926.745</b>	-	<b>145.096.926.745</b>	<b>151.038.266.573</b>	-	<b>151.038.266.573</b>
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	89.705.850.000	-	89.705.850.000	89.705.850.000	-	89.705.850.000
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	43.008.000.000	-	43.008.000.000	43.008.000.000	-	43.008.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	16.961.554.628	-	16.961.554.628	16.961.554.628	-	16.961.554.628
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	15.279.075.966	-	15.279.075.966	15.279.075.966	-	15.279.075.966
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	(19.857.553.849)	-	(19.857.553.849)	(13.916.214.021)	-	(13.916.214.021)
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	<b>11.392.500.000</b>	-	<b>11.392.500.000</b>
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú (i)	-	-	-	11.092.500.000	-	11.092.500.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	300.000.000	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.096.926.745</b>	-	<b>145.096.926.745</b>	<b>162.430.766.573</b>	-	<b>162.430.766.573</b>

Ghi chú: (i) Theo quyết định phê duyệt của Hội đồng Quản trị số 05/QĐ-NVN-HDQT ngày 19/03/2015 về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với số lượng cổ phiếu là 1.034.708 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng với tỷ lệ sở hữu 19,52%. Thời gian chuyển nhượng đã tiến hành vào ngày 27/03/2015.

b) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết - nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Tp. Hồ Chí Minh	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	Tp. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	Tỉnh Bình Dương	27,51%	50,00%	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	Tỉnh Đồng Nai	15,00%	33,00%	Sản xuất bột nhựa PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	38.591.022.126	42.598.881.024
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	5.983.720.290	2.330.426.862
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao bì Đức Mỹ	3.128.875.000	1.260.934.498
Các khoản phải thu khách hàng khác	49.981.237.631	68.169.979.018
<b>Cộng</b>	<b>97.684.855.047</b>	<b>114.360.221.402</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	38.591.022.126	42.598.881.024
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	5.983.720.290	2.330.426.862
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	542.789.997	-
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	1.803.760.000	1.460.068.672
<b>Cộng</b>	<b>46.921.292.413</b>	<b>46.389.376.558</b>

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>17.045.877.275</b>	<b>1.120.115.010</b>	<b>16.825.431.431</b>	<b>310.129.010</b>
- Ký cược, ký quỹ	429.311.609	-	2.192.360.420	-
- Phải thu khác:	16.616.565.666	1.120.115.010	14.633.071.011	310.129.010
<i>Tạm ứng tiền cho nhân viên</i>	1.687.675.702	-	3.124.909.478	-
Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem	12.637.754.812	-	4.844.849.703	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina	-	-	3.225.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	499.932.000	-	499.932.000	-
Các đối tượng khác	1.791.203.152	1.120.115.010	2.938.379.830	310.129.010
<i>b) Dài hạn</i>	<b>24.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ;	24.000.000	-	24.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.069.877.275</b>	<b>1.120.115.010</b>	<b>16.849.431.431</b>	<b>310.129.010</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>c) Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<b>13.442.515.822</b>	<b>304.829.010</b>	<b>9.751.658.713</b>	<b>304.829.010</b>
Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem	12.637.754.812	-	4.844.849.703	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	499.932.000	-	499.932.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	304.829.010	304.829.010	427.229.010	304.829.010
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina	-	-	3.225.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	-	-	754.648.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU VÀ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>50.272.718.279</b>	<b>25.956.079.399</b>	<b>55.829.717.076</b>	<b>30.358.838.603</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	38.591.022.126	21.223.544.513	42.598.881.024	21.037.624.931
Công ty CP Công nghệ cấp quang và TB Bưu điện	4.259.133.019	2.129.566.510	4.259.133.019	4.259.133.019
Công ty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	-	2.669.970.418	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	361.351.534	-	-	-
DNTN Sản xuất TM DV Hà Siêu	174.745.000	-	174.745.000	-
Đối tượng khác	4.216.496.182	2.602.968.376	6.126.987.615	5.062.080.653
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.120.115.010</b>	<b>-</b>	<b>310.129.010</b>	<b>-</b>
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	304.829.010	-	304.829.010	-
Công ty TNHH Tân Nguyên Vũ	2.500.000	-	2.500.000	-
Phải thu khác các cá nhân	812.786.000	-	2.800.000	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
DNTN Nguyễn Tuấn Tài	1.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.393.833.289</b>	<b>25.956.079.399</b>	<b>56.139.846.086</b>	<b>30.358.838.603</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.287.726.019	-	845.349.612	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.903.478.775	-	29.662.591.120	-
Công cụ, dụng cụ	4.699.594	-	23.897.572	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.140.000	-	9.676.616.374	-
Thành phẩm	13.040.949.692	(300.019.283)	16.556.886.832	-
Hàng hóa (i)	29.863.409.227	(1.118.496.720)	18.784.697.276	(3.184.834.810)
<b>Cộng</b>	<b>64.105.403.307</b>	<b>(1.418.516.003)</b>	<b>75.550.038.786</b>	<b>(3.184.834.810)</b>

*Ghi chú:* (i) Tại thời điểm 31/12/2015 có lô hạt nhựa giá trị ghi sổ là 14.711.782.500 đồng được dùng để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng cấp tín dụng số BIT.DN.699.300315 ngày 31/03/2015 với số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 9.407.631.856 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>197.741.772</b>	<b>564.609.850</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	197.741.772	564.609.850
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.662.913.107</b>	<b>3.616.646.284</b>
Chi phí thuê hoạt động TSCĐ	2.323.960.303	2.386.148.888
Công cụ dụng cụ xuất dùng	312.216.133	696.837.238
Các khoản khác	26.736.671	533.660.158

12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Giá trị phải thu khác dài hạn thể hiện giá trị quyền góp vốn nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên" tại số 360 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với số tiền 21.000.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2015	57.019.953.934	125.256.705.585	10.493.607.275	1.454.550.589	194.224.817.383
- Mua trong năm	-	103.150.861	6.899.741.273	-	7.002.892.134
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.021.822.618	-	-	-	2.021.822.618
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.272.916.797)	(221.066.880)	(1.493.983.677)
- Giảm khác (i)	(13.478.881.135)	(19.959.690.851)	(12.757.748.876)	(84.644.000)	(46.280.964.862)
Tại ngày 31/12/2015	45.562.895.417	105.400.165.595	3.362.682.875	1.148.839.709	155.474.583.596
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2015	15.266.050.357	79.113.467.349	7.514.022.702	1.099.069.928	102.992.610.336
- Khấu hao trong năm	2.184.600.611	9.482.176.970	630.982.565	119.924.102	12.417.684.248
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.009.644.765)	(127.903.001)	(1.137.547.766)
- Giảm khác (i)	(4.843.154.344)	(15.578.052.121)	(4.247.119.038)	(65.196.273)	(24.733.521.776)
Tại ngày 31/12/2015	12.607.496.624	73.017.592.198	2.888.241.464	1.025.894.756	89.539.225.042
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2015	41.753.903.577	46.143.238.236	2.979.584.573	355.480.661	91.232.207.047
Tại ngày 31/12/2015	32.955.398.793	32.382.573.397	474.441.411	122.944.953	65.935.358.554

Ghi chú:

(i) Giảm khác do trong năm 2015 Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn nắm giữ tại Công ty cổ phần Nhựa Bắc Giang và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 64.872.410.072 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 68.568.384.727 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.414.400.452 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 16.973.111.973 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	24.266.228.591	392.330.120	24.658.558.711
- Mua trong năm	-	67.800.000	67.800.000
- Giảm khác (i)	(13.047.868.000)	(50.000.000)	(13.097.868.000)
Tại ngày 31/12/2015	11.218.360.591	410.130.120	11.628.490.711
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	5.159.410.202	174.722.504	5.334.132.706
- Khấu hao trong năm	444.801.463	40.588.013	485.389.476
- Giảm khác (i)	(1.452.083.073)	-	(1.452.083.073)
Tại ngày 31/12/2015	4.152.128.592	215.310.517	4.367.439.109
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	19.106.818.389	217.607.616	19.324.426.005
Tại ngày 31/12/2015	7.066.231.999	194.819.603	7.261.051.602

Ghi chú:

Giảm khác do trong năm 2015 Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn nắm giữ tại Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.046.231.999 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.331.913.121 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số đã ký với ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại 31/12/2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.646.960.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án đầu tư xây dựng tại số 360 Giải Phóng	-	-	59.501.705.729	-
Dự án khác	173.023.577	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>173.023.577</b>	<b>-</b>	<b>59.501.705.729</b>	<b>-</b>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina	35.142.565.899	35.142.565.899	34.312.714.858	34.312.714.858
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	9.084.627.707	9.084.627.707	-	-
Intraco Trading PTE Co, Ltd	5.835.267.900	5.835.267.900	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	22.068.180.670	22.068.180.670	57.238.176.749	57.238.176.749
<b>Cộng</b>	<b>72.130.642.176</b>	<b>72.130.642.176</b>	<b>91.550.891.607</b>	<b>91.550.891.607</b>
<b>Trong đó:</b>				
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina	35.142.565.899	35.142.565.899	-	-
Các đối tượng khác	915.314.693	915.314.693	53.798.257	53.798.257
<b>Cộng</b>	<b>36.057.880.592</b>	<b>36.057.880.592</b>	<b>53.798.257</b>	<b>53.798.257</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina	35.142.565.899	35.142.565.899	34.312.714.858	34.312.714.858
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	9.084.627.707	9.084.627.707	-	-
Công ty CP Nhựa Thăng Long	845.075.000	845.075.000	861.516.436	861.516.436
<b>Cộng</b>	<b>45.072.268.606</b>	<b>45.072.268.606</b>	<b>35.174.231.294</b>	<b>35.174.231.294</b>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.398.529.169	6.237.984.756	7.345.232.331	291.281.594
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.496.640	16.496.640	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	487.588.668	206.200.170	582.575.768	111.213.070
Thuế thu nhập cá nhân	492.756.635	285.733.262	657.860.644	120.629.253
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	26.494.522	347.946.867	374.441.389	-
Các loại thuế khác	2.500.000	9.962.224	9.962.224	2.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.986.916.209	-	-	9.986.916.209
<b>Cộng</b>	<b>12.394.785.203</b>	<b>7.104.323.919</b>	<b>8.986.568.996</b>	<b>10.512.540.126</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.252.432.301	3.867.472.670	4.295.227.418	6.680.187.049
Thuế xuất, nhập khẩu	29.810.057	749.544.582	730.953.403	11.218.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.511.188	-	-	101.511.188
Thuế thu nhập cá nhân	968.508	7.186.772	6.218.264	-
<b>Cộng</b>	<b>6.384.722.054</b>	<b>4.624.204.024</b>	<b>5.032.399.085</b>	<b>6.792.917.115</b>

Ghi chú: (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13/7/1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
<i>Ngắn hạn</i>	VND	VND
- Lãi vay phải trả (i)	14.568.578.997	10.293.832.658
- Các khoản trích trước khác	149.466.311	286.390.754
<b>Cộng</b>	<b>14.718.045.308</b>	<b>10.580.223.412</b>

Ghi chú: (i) Chi phí lãi vay của khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh).

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	-	466.620.914
- Phải trả Bộ Tài chính - tiền cổ tức (i)	20.470.947.648	20.879.143.040
- Kinh phí công đoàn;	119.534.165	424.066.436
- Bảo hiểm xã hội;	11.043.969	239.886.413
- Bảo hiểm y tế;	-	5.672
- Phải trả về cổ phần hoá;	-	3.780
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	4.127.088.982	1.201.605.522
<b>Cộng</b>	<b>24.728.614.764</b>	<b>23.211.331.777</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	127.000.000
- Tiền thuê đất	-	41.608.405.785
- Vốn góp vào dự án	-	19.940.229.148
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>61.675.634.933</b>

Ghi chú: (i) Khoản cổ tức từ năm 2008 đến năm 2012 phải trả cho chủ sở hữu. Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương gửi Bộ Tài chính và đề xuất của Hội đồng Quản trị Công ty tại Đại hội cổ đông năm 2015, giá trị phải trả cổ tức này được giữ lại để phân bổ lại sau khi Công ty kinh doanh có hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU B 09-DN/HN

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Tăng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>94.336.623.996</b>	<b>94.336.623.996</b>	<b>391.823.225.945</b>	<b>291.444.101.514</b>	<b>194.715.748.427</b>	<b>194.715.748.427</b>
Ngân hàng TMCP DT&PT Việt Nam (i)	69.990.595.503	69.990.595.503	133.871.150.844	133.609.122.392	70.252.623.955	70.252.623.955
Ngân hàng TMCP VN Thương Tín (Vietbank)-CN ĐBP	-	-	17.095.985.000	2.206.665.000	14.889.320.000	14.889.320.000
Ngân hàng TMCP Á Châu-CN Bình Tây (ii)	9.407.631.856	9.407.631.856	26.643.368.144	36.051.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	14.938.396.637	14.938.396.637	39.221.784.871	41.744.181.508	12.416.000.000	12.416.000.000
Ngân hàng TMCP Tiền Phong Bank - CN Sài Gòn	-	-	24.472.208.887	10.566.785.332	13.905.423.555	13.905.423.555
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	23.449.081.063	16.244.242.733	7.204.838.330	7.204.838.330
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	70.239.896.465	47.569.257.769	22.670.638.696	22.670.638.696
Ngân hàng Nông Nghiệp-CN Sài Gòn	-	-	56.829.750.671	3.452.846.780	53.376.903.891	53.376.903.891
<b>a2) Vay ngắn hạn cá nhân</b>	<b>2.323.270.205</b>	<b>2.323.270.205</b>	<b>68.121.317.472</b>	<b>52.457.206.744</b>	<b>17.987.380.933</b>	<b>17.987.380.933</b>
Các cá nhân khác (iv)	2.323.270.205	2.323.270.205	68.121.317.472	52.457.206.744	17.987.380.933	17.987.380.933
<b>a3) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>105.129.632.490</b>	<b>105.129.632.490</b>	<b>1.150.995.302</b>	<b>70.797.639.762</b>	<b>35.482.988.030</b>	<b>35.482.988.030</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (v)	52.702.352.139	52.702.352.139	1.150.995.302	18.370.359.411	35.482.988.030	35.482.988.030
Ngân hàng Nông Nghiệp-CN Sài Gòn (vi)	52.427.280.351	52.427.280.351	-	52.427.280.351	-	-
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>201.789.526.691</b>	<b>201.789.526.691</b>	<b>461.095.538.719</b>	<b>414.698.948.020</b>	<b>248.186.117.390</b>	<b>248.186.117.390</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (v)	79.053.528.176	79.053.528.176	20.732.687.802	2.207.998.896	97.578.217.082	97.578.217.082
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	2.816.294.441	2.600.000.000	216.294.441	216.294.441
Ngân hàng TMCP INDOVINA	-	-	940.515.000	940.515.000	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>79.053.528.176</b>	<b>79.053.528.176</b>	<b>24.489.497.243</b>	<b>5.748.513.896</b>	<b>97.794.511.523</b>	<b>97.794.511.523</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 706/2012/HĐ ngày 11/6/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03-706/2012/HĐ ngày 15/04/2015. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngắn hạn tối đa là 70 tỷ đồng. Công ty chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ với lãi suất từ 7%. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/03/2016. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm tài sản cố định vô hình tại Bình Dương và khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 37,5 tỷ đồng (xem các Thuyết minh 13 và 14).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng cấp tín dụng số BIT.DN.699.300315 ngày 31/03/2015. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (bao gồm cả phát hành L/C) là 20 tỷ đồng. Mục đích vay là Bổ sung vốn lưu động; phát hành L/C nhập khẩu lô hàng hạt nhựa; tỉ lệ ký quỹ tùy từng lô hàng; bảo lãnh ra nước ngoài. Hiệu lực hợp đồng 12 tháng, trong đó thời hạn vay của khoản vay tối đa không quá 6 tháng. Công ty chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm lô hàng hạt nhựa giá trị: 42.860.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2015, lô hạt nhựa dùng để bảo đảm có giá trị ghi sổ là 14.711.782.500 đồng để đảm bảo cho số dư vay (xem Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 013A15/BBD ngày 13/03/2015; Hạn mức 15 tỷ đồng; Mục đích bổ sung vốn lưu động; Lãi suất 7%/năm và được điều chỉnh theo từng khế ước vay; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
- (iv) Các khoản vay vốn ngắn hạn cá nhân có lãi suất khoảng 11% đến 13% theo từng hợp đồng vay cá nhân.
- (v) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTWI đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3.2% /năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả lãi nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì:

- Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016).
- Cho phép trích khấu hao cơ bản theo khế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay.

Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên.

- (vi) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn Chợ Lớn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 6220LAV2012 00217 ngày 01/03/2012. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 55 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất, nhà xưởng theo Hợp đồng thế chấp số 6220LCL201200 ngày 01/03/2012 để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 13 và 14). Năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng với ngân hàng về việc gia hạn thời hạn trả nợ của các giấy nhận nợ với thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/12/2016, mức lãi suất cho các khoản vay là 10,5%/năm, lãi suất này sẽ thay đổi theo mức lãi do ngân hàng ban hành từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	105.129.632.490	35.699.282.471
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	70.269.802.815	70.965.976.039
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		
Sau năm năm	<u>8.783.725.361</u>	<u>26.612.241.043</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	105.129.632.490	35.482.988.030
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>79.053.528.176</u></u>	<u><u>97.794.511.523</u></u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	194.289.130.000	(149.259.382.344)	45.029.747.656
Lãi / (lỗ) trong năm	-	(31.550.504.777)	(31.550.504.777)
Phân phối lợi nhuận	-	(135.585.765)	(135.585.765)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(157.600.609)	(157.600.609)
Tặng/(Giảm) khác	-	11.620.911.122	11.620.911.122
Số dư tại ngày 01/01/2015	<u>194.289.130.000</u>	<u>(169.482.162.373)</u>	<u>24.806.967.627</u>
Lãi / (lỗ) trong kỳ này	-	20.211.297.060	20.211.297.060
Tặng khác	-	408.195.392	408.195.392
Phân phối lợi nhuận	-	(6.510.600)	(6.510.600)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	(99.515.732)	(99.515.732)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(352.903.473)	(352.903.473)
Tặng/(Giảm) khác	-	(2.766.813.771)	(2.766.813.771)
Số dư tại ngày 31/12/2015	<u><u>194.289.130.000</u></u>	<u><u>(152.088.413.497)</u></u>	<u><u>42.200.716.503</u></u>

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	127.943.420.000	127.943.420.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	<u><u>194.289.130.000</u></u>	<u><u>194.289.130.000</u></u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp đầu kỳ	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại USD	3.372,25	5.308,97

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	343.808.952.492	596.028.546.066
Doanh thu bán sản phẩm	89.047.911.626	92.720.311.388
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.505.261.658	13.043.977.387
Doanh thu khác	-	10.794.269
<b>Cộng</b>	<b>448.362.125.776</b>	<b>701.803.629.110</b>

24. GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	576.178.109	5.038.429.385
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	519.900.000	-
- Giảm giá hàng bán;	-	87.099.323
- Hàng bán bị trả lại	56.278.109	4.951.330.062

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	332.180.929.332	573.169.999.955
Giá vốn của thành phẩm đã bán	79.132.753.713	80.764.054.068
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.462.745.522	4.942.506.777
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.418.516.003	2.697.161.798
<b>Cộng</b>	<b>418.194.944.570</b>	<b>661.573.722.598</b>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.075.771.650	3.116.019.388
Lãi bán các khoản đầu tư	4.951.504.957	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	710.127.083	694.528.765
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.128.095.952	2.036.706.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.631.637.020	869.112.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	65.473.632	59.038.051
<b>Cộng</b>	<b>23.562.610.294</b>	<b>6.775.404.604</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.710.624.226	27.348.899.619
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	664.238.263	1.935.245.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	910.866.923	326.072.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	66.690.512
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.698.205.694
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	42.558.902	57.141.966
<b>Cộng</b>	<b>23.328.288.314</b>	<b>33.432.255.937</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015
	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	
Chi phí nhân viên	9.589.218.018
Chi phí đồ dùng văn phòng	373.863.346
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.234.702.790
Thuế, phí và lệ phí	690.040.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.968.113.560
Chi phí dự phòng	(972.314.535)
Các khoản chi phí QLDN khác	3.006.175.669
<b>Cộng</b>	<b>18.889.799.160</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	
Chi phí nhân viên	2.012.235.139
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.975.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	80.179.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.711.094
Chi phí thuê nhà, thuê kho	77.373.505
Chi phí vận chuyển	517.613.250
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.330.193.337
<b>Cộng</b>	<b>6.534.281.601</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	20.252.888.203	144.385.601.754
Chi phí nhân công;	9.084.937.554	33.109.148.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	10.571.922.015	14.975.312.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	7.026.944.578	8.206.218.841
Chi phí sản xuất kinh doanh khác;	3.791.117.568	13.981.216.496
Chi phí dự phòng.	(672.418.579)	20.636.403.731
<b>Cộng</b>	<b>50.055.391.339</b>	<b>235.293.901.684</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. LÃI (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.202.310.001	(31.550.504.777)
Lợi nhuận đã sử dụng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(352.903.473)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	20.202.310.001	(31.903.408.250)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	19.428.913	19.428.913
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	1.040	(1.642)

Theo qui định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là (1.611) VND (số trình bày trên báo cáo tài chính năm 2014 là (1.604) VND). Năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm sản xuất, kinh doanh nhựa.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do trong năm Công ty đã ra quyết định giải thể Chi nhánh tại Hà Nội theo Quyết định số 31/QĐ-NVN-HDQT ngày 11/06/2015 của Hội đồng Quản trị nhằm cơ cấu lại tổ chức hoạt động của Công ty.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	280.843.054.867	345.980.628.913
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.069.890.607	18.824.115.406
Nợ thuần	272.773.164.260	327.156.513.507
Vốn chủ sở hữu	42.517.661.496	33.636.921.446
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	6,42	9,73

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.069.890.607	18.824.115.406	8.069.890.607	18.824.115.406
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.316.978.432	105.428.645.350	110.316.978.432	105.428.645.350
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.000.450.000	41.700.450.000	39.000.450.000	41.700.450.000
Đầu tư tài chính dài hạn	145.096.926.745	162.430.766.573	145.096.926.745	162.430.766.573
Các khoản ký quỹ	453.311.609	2.216.360.420	453.311.609	2.216.360.420
Tài sản tài chính khác	251.475.750	300.000.000	251.475.750	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>303.189.033.143</b>	<b>330.900.337.749</b>	<b>303.189.033.143</b>	<b>330.900.337.749</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	280.843.054.867	345.980.628.913	280.843.054.867	345.980.628.913
Phải trả người bán và phải trả khác	96.859.256.940	176.437.858.317	96.859.256.940	176.437.858.317
Chi phí phải trả	14.718.045.308	10.580.223.412	14.718.045.308	10.580.223.412
<b>Cộng</b>	<b>392.420.357.115</b>	<b>532.998.710.642</b>	<b>392.420.357.115</b>	<b>532.998.710.642</b>

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Đó la Mỹ (USD)	229.231.572	915.243.261	10.129.719.600	29.449.239.945
Nhân dân tệ (CNY)	-	-	131.755.880.315	133.061.205.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.069.890.607	-	8.069.890.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.316.978.432	-	110.316.978.432
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.000.450.000	-	39.000.450.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	145.096.926.745	145.096.926.745
Các khoản ký quỹ	429.311.609	24.000.000	453.311.609
Tài sản tài chính khác	-	251.475.750	251.475.750
<b>Cộng</b>	<b>157.816.630.648</b>	<b>145.372.402.495</b>	<b>303.189.033.143</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	201.789.526.691	79.053.528.176	280.843.054.867
Phải trả người bán và phải trả khác	96.859.256.940	-	96.859.256.940
Chi phí phải trả	14.718.045.308	-	14.718.045.308
<b>Cộng</b>	<b>313.366.828.939</b>	<b>79.053.528.176</b>	<b>392.420.357.115</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(155.550.198.291)</b>	<b>66.318.874.319</b>	<b>(89.231.323.972)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.824.115.406	-	18.824.115.406
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.428.645.350	-	105.428.645.350
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.700.450.000	-	41.700.450.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	162.430.766.573	162.430.766.573
Các khoản ký quỹ	2.192.360.420	24.000.000	2.216.360.420
Tài sản tài chính khác	300.000.000	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>168.445.571.176</b>	<b>162.454.766.573</b>	<b>330.900.337.749</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	248.186.117.390	97.794.511.523	345.980.628.913
Phải trả người bán và phải trả khác	114.762.223.384	61.675.634.933	176.437.858.317
Chi phí phải trả	10.580.223.412	-	10.580.223.412
<b>Cộng</b>	<b>373.528.564.186</b>	<b>159.470.146.456</b>	<b>532.998.710.642</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(205.082.993.010)</b>	<b>2.984.620.117</b>	<b>(202.098.372.893)</b>

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư như đã trình bày tại các Thuyết minh số 07, 08 và Thuyết minh số 16, Công ty còn có giao dịch sau với bên liên quan

Cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong kỳ	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	38.532.467.500
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	2.651.191.287

Mua hàng hoá dịch vụ trong kỳ	
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	62.774.165.806

Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	403.614.000	403.914.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	307.200.000	307.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, như sau

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại
	VND	VND	lai/trình bày lại VND
<b>Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	11.508.161.533	16.825.431.431	(5.317.269.898)
Tài sản thiếu chờ lý	-	173.307.656	(173.307.656)
Tài sản ngắn hạn khác	12.439.909.458	6.949.331.904	5.490.577.554
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.604)	(1.642)	38



Lê Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/03/2016

Phan Trung Nam  
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng  
Người lập biểu